

Đề thi số 3

Phần I: Câu hỏi lý thuyết (50 câu)

Câu 1: Pháp luật có vai trò gì trong đời sống xã hội?

- A. Là công cụ để nhà nước quản lý xã hội.
- B. Là phương tiện để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ.
- C. Là cơ sở để giải quyết các tranh chấp.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 2: Tính quy phạm phổ biến của pháp luật thể hiện ở chỗ:

- A. Pháp luật là khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi của mọi người.
- B. Pháp luật chỉ áp dụng cho một số đối tượng nhất định.
- C. Pháp luật chỉ áp dụng trong một thời gian nhất định.
- D. Pháp luật chỉ áp dụng trong một địa điểm nhất định.

Đáp án: A

Câu 3: Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức của pháp luật thể hiện ở chỗ:

- A. Pháp luật được thể hiện bằng văn bản, ngôn ngữ rõ ràng, chính xác.
- B. Pháp luật được truyền miệng từ đời này sang đời khác.
- C. Pháp luật được thể hiện bằng phong tục, tập quán.
- D. Pháp luật được thể hiện bằng các quy tắc đạo đức.

Đáp án: A

Câu 4: Tính cưỡng chế nhà nước của pháp luật thể hiện ở chỗ:

- A. Pháp luật được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh của nhà nước.
- B. Pháp luật được bảo đảm thực hiện bằng lương tâm.
- C. Pháp luật được bảo đảm thực hiện bằng dư luận xã hội.
- D. Pháp luật được bảo đảm thực hiện bằng phong tục, tập quán.

Đáp án: A

Câu 5: Học thuyết nào cho rằng nhà nước ra đời là do sự thỏa thuận giữa những người trong xã hội để thành lập nhà nước?

- A. Thuyết thần quyền.

- B. Thuyết gia trưởng.
- C. Thuyết bạo lực.
- D. Thuyết kế ước xã hội.

Đáp án: D

Câu 6: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhà nước là một hiện tượng:

- A. Vĩnh cửu.
- B. Lịch sử.
- C. Tự nhiên.
- D. Siêu nhiên.

Đáp án: B

Câu 7: Đặc trưng nào sau đây là đặc trưng của nhà nước?

- A. Có bộ máy cưỡng chế chuyên nghiệp.
- B. Phân chia dân cư theo lãnh thổ.
- C. Thu thuế để duy trì bộ máy nhà nước.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 8: Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, điều này có nghĩa là:

- A. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật.
- B. Nhà nước chỉ quản lý xã hội bằng đạo đức.
- C. Nhà nước chỉ quản lý xã hội bằng phong tục tập quán.
- D. Nhà nước chỉ quản lý xã hội bằng ý chí của người cầm quyền.

Đáp án: A

Câu 9: Chức năng đối nội của Nhà nước CHXHCN Việt Nam không bao gồm:

- A. Bảo vệ chế độ XHCN.
- B. Tổ chức và quản lý kinh tế.
- C. Xây dựng và thực hiện các chính sách xã hội.
- D. Bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Đáp án: D

Câu 10: Cơ quan nào sau đây không phải là cơ quan nhà nước?

- A. Quốc hội.

- B. Chính phủ.
- C. Tòa án nhân dân.
- D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đáp án: D

Câu 11: Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được điều chỉnh bởi:

- A. Đạo đức.
- B. Phong tục tập quán.
- C. Pháp luật.
- D. Quy tắc của tổ chức xã hội.

Đáp án: C

Câu 12: Khách thể của quan hệ pháp luật là gì?

- A. Là lợi ích vật chất hoặc tinh thần mà các bên mong muốn đạt được khi tham gia quan hệ pháp luật.
- B. Là các bên tham gia quan hệ pháp luật.
- C. Là quyền và nghĩa vụ của các bên.
- D. Là các quy định pháp luật.

Đáp án: A

Câu 13: Nội dung của quan hệ pháp luật là gì?

- A. Là quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật.
- B. Là các quy định pháp luật.
- C. Là các sự kiện pháp lý.
- D. Là các hành vi pháp lý.

Đáp án: A

Câu 14: Quy phạm pháp luật là gì?

- A. Là quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc.
- B. Là quy tắc xử sự mang tính khuyến khích.
- C. Là quy tắc xử sự chỉ áp dụng cho một cá nhân cụ thể.
- D. Là quy tắc xử sự do tổ chức xã hội ban hành.

Đáp án: A

Câu 15: Giả định trong quy phạm pháp luật là gì?

- A. Là phần nêu lên những điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế mà khi đó quy

phạm pháp luật sẽ phát sinh hiệu lực.

B. Là phần quy định cách xử sự mà chủ thể phải thực hiện.

C. Là phần quy định các biện pháp cưỡng chế nhà nước.

D. Là phần nêu lên mục đích của quy phạm pháp luật.

Đáp án: A

Câu 16: Quy định trong quy phạm pháp luật là gì?

A. Là phần nêu lên những điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế.

B. Là phần quy định cách xử sự mà chủ thể phải thực hiện, hoặc không được thực hiện.

C. Là phần quy định các biện pháp cưỡng chế nhà nước.

D. Là phần nêu lên mục đích của quy phạm pháp luật.

Đáp án: B

Câu 17: Chế tài trong quy phạm pháp luật là gì?

A. Là phần nêu lên những điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế.

B. Là phần quy định cách xử sự mà chủ thể phải thực hiện.

C. Là phần quy định các biện pháp cưỡng chế nhà nước sẽ áp dụng đối với chủ thể vi phạm.

D. Là phần nêu lên mục đích của quy phạm pháp luật.

Đáp án: C

Câu 18: Vi phạm pháp luật là gì?

A. Là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

B. Là hành vi trái đạo đức.

C. Là hành vi không tuân thủ phong tục tập quán.

D. Là hành vi không được xã hội chấp nhận.

Đáp án: A

Câu 19: Dấu hiệu nào sau đây không phải là dấu hiệu của vi phạm pháp luật?

A. Tính trái pháp luật.

B. Tính có lỗi.

C. Tính tự nguyện.

D. Tính có hại cho xã hội.

Đáp án: C

Câu 20: Trách nhiệm pháp lý là gì?

- A. Là hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu.
- B. Là trách nhiệm đạo đức.
- C. Là trách nhiệm xã hội.
- D. Là trách nhiệm cá nhân.

Đáp án: A

Câu 21: Hợp đồng lao động có mấy loại?

- A. 2 loại: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn.
- B. 3 loại: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn và hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.
- C. 4 loại: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng và hợp đồng thử việc.
- D. 5 loại: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng, hợp đồng thử việc và hợp đồng học nghề.

Đáp án: B

Câu 22: Thời giờ làm việc ban đêm được tính từ mấy giờ đến mấy giờ?

- A. Từ 21 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau.
- B. Từ 22 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau.
- C. Từ 23 giờ đến 7 giờ sáng hôm sau.
- D. Từ 20 giờ đến 4 giờ sáng hôm sau.

Đáp án: B

Câu 23: Người lao động làm thêm giờ vào ngày thường được trả lương ít nhất bằng bao nhiêu phần trăm tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường?

- A. 100%.
- B. 150%.
- C. 200%.
- D. 250%.

Đáp án: B

Câu 24: Người lao động làm thêm giờ vào ngày nghỉ hàng tuần được trả lương ít nhất bằng bao nhiêu phần trăm tiền lương giờ thực trả của ngày làm việc bình thường?

- A. 100%.
- B. 150%.
- C. 200%.
- D. 300%.

Đáp án: C

Câu 25: Người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương trong trường hợp nào sau đây?

- A. Kết hôn: nghỉ 3 ngày.
- B. Con kết hôn: nghỉ 1 ngày.
- C. Bố đẻ, mẹ đẻ, bố vợ, mẹ vợ, bố chồng, mẹ chồng, vợ hoặc chồng chết; con chết: nghỉ 3 ngày.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 26: Người sử dụng lao động có quyền tạm đình chỉ công việc của người lao động trong trường hợp nào?

- A. Khi người lao động vi phạm kỷ luật lao động.
- B. Khi người lao động bị ốm đau.
- C. Khi người lao động nghỉ thai sản.
- D. Khi người lao động đi học.

Đáp án: A

Câu 27: Thời hạn tạm đình chỉ công việc không quá bao nhiêu ngày làm việc?

- A. 5 ngày.
- B. 10 ngày.
- C. 15 ngày.
- D. 30 ngày.

Đáp án: C

Câu 28: Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công việc, người sử dụng lao động phải làm gì?

- A. Tiếp tục cho người lao động nghỉ việc.
- B. Quyết định xử lý kỷ luật lao động.
- C. Chấm dứt hợp đồng lao động.

D. Chuyển người lao động sang công việc khác.

Đáp án: B

Câu 29: Người lao động gây thiệt hại không nghiêm trọng do sơ suất thì phải bồi thường tối đa bao nhiêu tháng lương?

A. 1 tháng lương.

B. 2 tháng lương.

C. 3 tháng lương.

D. 4 tháng lương.

Đáp án: C

Câu 30: Tranh chấp lao động cá nhân là tranh chấp giữa:

A. Người lao động với người sử dụng lao động.

B. Tập thể lao động với người sử dụng lao động.

C. Người lao động với công đoàn.

D. Người sử dụng lao động với công đoàn.

Đáp án: A

Câu 31: Tranh chấp lao động tập thể là tranh chấp giữa:

A. Người lao động với người sử dụng lao động.

B. Tập thể lao động với người sử dụng lao động.

C. Người lao động với công đoàn.

D. Người sử dụng lao động với công đoàn.

Đáp án: B

Câu 32: Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động bao gồm:

A. Tôn trọng quyền tự định đoạt của các bên.

B. Giải quyết thông qua hòa giải, trọng tài.

C. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 33: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính:

A. Bắt buộc chung.

B. Khuyến khích.

C. Tự nguyện.

D. Tùy ý.

Đáp án: A

Câu 34: Pháp luật do ai ban hành hoặc thừa nhận?

- A. Nhà nước.
- B. Cộng đồng.
- C. Tổ chức xã hội.
- D. Cá nhân.

Đáp án: A

Câu 35: Pháp luật được bảo đảm thực hiện bằng gì?

- A. Lương tâm.
- B. Dư luận xã hội.
- C. Sức mạnh cưỡng chế của nhà nước.
- D. Phong tục, tập quán.

Đáp án: C

Câu 36: Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực nào?

- A. Quyền lực kinh tế.
- B. Quyền lực chính trị.
- C. Quyền lực xã hội.
- D. Quyền lực tôn giáo.

Đáp án: B

Câu 37: Chức năng xã hội của nhà nước là gì?

- A. Tổ chức và quản lý các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.
- B. Bảo vệ chế độ xã hội.
- C. Đấu tranh chống lại các thế lực thù địch.
- D. Thực hiện chính sách đối ngoại.

Đáp án: A

Câu 38: Chức năng giai cấp của nhà nước là gì?

- A. Tổ chức và quản lý các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.
- B. Bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị.
- C. Đấu tranh chống lại các thế lực thù địch.

D. Thực hiện chính sách đối ngoại.

Đáp án: B

Câu 39: Hình thức pháp luật của Nhà nước Việt Nam bao gồm:

- A. Văn bản quy phạm pháp luật.
- B. Tiền lệ pháp.
- C. Tập quán pháp.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: A

Câu 40: Văn bản quy phạm pháp luật là gì?

- A. Là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự chung, được nhà nước ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục luật định.
- B. Là văn bản chứa đựng các quy tắc xử sự chỉ áp dụng cho một trường hợp cụ thể.
- C. Là văn bản chứa đựng các quy tắc đạo đức.
- D. Là văn bản chứa đựng các phong tục, tập quán.

Đáp án: A

Câu 41: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam được sắp xếp theo thứ bậc nào?

- A. Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.
- B. Luật, Hiến pháp, nghị định.
- C. Nghị định, luật, Hiến pháp.
- D. Thông tư, nghị định, luật.

Đáp án: A

Câu 42: Quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi, chấm dứt khi có sự kiện nào?

- A. Sự kiện tự nhiên.
- B. Sự kiện xã hội.
- C. Sự kiện pháp lý.
- D. Sự kiện lịch sử.

Đáp án: C

Câu 43: Sự kiện pháp lý là gì?

- A. Là những sự việc xảy ra trong đời sống xã hội mà pháp luật gắn với nó việc phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật.
- B. Là những sự việc xảy ra trong đời sống xã hội không liên quan đến pháp luật.
- C. Là những sự việc xảy ra trong đời sống xã hội chỉ liên quan đến đạo đức.
- D. Là những sự việc xảy ra trong đời sống xã hội chỉ liên quan đến phong tục, tập quán.

Đáp án: A

Câu 44: Sự kiện pháp lý được chia thành mấy loại?

- A. 2 loại: Hành vi pháp lý và sự biến pháp lý.
- B. 3 loại: Hành vi pháp lý, sự biến pháp lý và sự kiện tự nhiên.
- C. 4 loại: Hành vi pháp lý, sự biến pháp lý, sự kiện tự nhiên và sự kiện xã hội.
- D. 5 loại: Hành vi pháp lý, sự biến pháp lý, sự kiện tự nhiên, sự kiện xã hội và sự kiện lịch sử.

Đáp án: A

Câu 45: Hành vi pháp lý là gì?

- A. Là sự kiện pháp lý xảy ra theo ý chí của con người.
- B. Là sự kiện pháp lý xảy ra ngoài ý chí của con người.
- C. Là sự kiện pháp lý xảy ra do thiên tai.
- D. Là sự kiện pháp lý xảy ra do dịch bệnh.

Đáp án: A

Câu 46: Sự biến pháp lý là gì?

- A. Là sự kiện pháp lý xảy ra theo ý chí của con người.
- B. Là sự kiện pháp lý xảy ra ngoài ý chí của con người.
- C. Là sự kiện pháp lý xảy ra do hành vi của con người.
- D. Là sự kiện pháp lý xảy ra do quyết định của nhà nước.

Đáp án: B

Câu 47: Vi phạm pháp luật có tính trái pháp luật nghĩa là:

- A. Hành vi đó không phù hợp với quy định của pháp luật.
- B. Hành vi đó không phù hợp với đạo đức xã hội.
- C. Hành vi đó không phù hợp với phong tục tập quán.
- D. Hành vi đó không phù hợp với ý chí của cá nhân.

Đáp án: A

Câu 48: Vi phạm pháp luật có tính có lỗi nghĩa là:

- A. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật một cách cố ý hoặc vô ý.
- B. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật do bị ép buộc.
- C. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật do không biết pháp luật.
- D. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật do hoàn cảnh khách quan.

Đáp án: A

Câu 49: Vi phạm pháp luật có tính có hại cho xã hội nghĩa là:

- A. Hành vi đó gây ra thiệt hại vật chất hoặc tinh thần cho xã hội, cá nhân, tổ chức.
- B. Hành vi đó không gây ra thiệt hại nào.
- C. Hành vi đó chỉ gây ra thiệt hại cho cá nhân.
- D. Hành vi đó chỉ gây ra thiệt hại cho tổ chức.

Đáp án: A

Câu 50: Trách nhiệm pháp lý là biện pháp cưỡng chế của ai?

- A. Nhà nước.
- B. Cộng đồng.
- C. Tổ chức xã hội.
- D. Cá nhân.

Đáp án: A

Phần II: Câu hỏi tình huống thực tế (10 câu)

Câu 51: Một công ty X ký hợp đồng lao động với anh A với thời hạn 12 tháng. Sau 10 tháng làm việc, công ty X muốn chấm dứt hợp đồng với anh A mà không có lý do chính đáng. Hỏi công ty X có được phép làm như vậy không?

- A. Được phép, vì hợp đồng chưa hết thời hạn.
- B. Không được phép, vì công ty X phải có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật lao động.
- C. Được phép, nếu công ty X bồi thường cho anh A.
- D. Không được phép, trừ khi anh A đồng ý.

Đáp án: B

Câu 52: Chị B làm việc tại công ty Y. Công ty Y yêu cầu chị B làm thêm giờ vào ngày chủ nhật nhưng không trả lương làm thêm giờ. Hỏi công ty Y có vi phạm pháp luật lao động không?

- A. Không vi phạm, vì làm thêm giờ là nghĩa vụ của người lao động.
- B. Vi phạm, vì công ty Y phải trả lương làm thêm giờ theo quy định của pháp luật.
- C. Không vi phạm, nếu công ty Y có thỏa thuận với chị B.
- D. Không vi phạm, nếu công ty Y có nội quy lao động quy định như vậy.

Đáp án: B

Câu 53: Anh C là nhân viên bảo vệ của một cửa hàng. Trong ca trực, anh C ngủ quên và bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản trị giá 20 triệu đồng. Anh C có phải chịu trách nhiệm vật chất không?

- A. Có, anh C phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.
- B. Có, anh C phải bồi thường một phần thiệt hại theo quy định của pháp luật lao động.
- C. Không, vì đây là sự cố ngoài ý muốn.
- D. Không, vì anh C không cố ý.

Đáp án: B

Câu 54: Một công ty sa thải một nhân viên vì lý do nhân viên đó tham gia đình công hợp pháp. Hỏi việc sa thải này có đúng pháp luật không?

- A. Đúng pháp luật, vì công ty có quyền sa thải nhân viên.
- B. Không đúng pháp luật, vì đình công hợp pháp là quyền của người lao động.
- C. Đúng pháp luật, nếu công ty có nội quy lao động quy định như vậy.
- D. Đúng pháp luật, nếu công ty có sự đồng ý của công đoàn.

Đáp án: B

Câu 55: Một người lái xe máy không đội mũ bảo hiểm. Hành vi này là vi phạm pháp luật loại nào?

- A. Vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Đáp án: A

Câu 56: Một người tung tin đồn thất thiệt trên mạng xã hội gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của một cá nhân. Hành vi này có thể bị xử lý theo loại trách nhiệm pháp lý nào?

- A. Trách nhiệm hình sự.
- B. Trách nhiệm dân sự.
- C. Trách nhiệm hành chính.

D. Tất cả các loại trách nhiệm trên đều có thể được áp dụng tùy theo mức độ và hậu quả của hành vi.

Đáp án: D

Câu 57: Một quy phạm pháp luật quy định: “Công dân có nghĩa vụ đóng thuế theo quy định của pháp luật”. Phần “Công dân” là bộ phận nào của quan hệ pháp luật?

- A. Chủ thể.
- B. Khách thể.
- C. Nội dung.
- D. Sự kiện pháp lý.

Đáp án: A

Câu 58: Một người 15 tuổi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Người này có phải chịu trách nhiệm hình sự không?

- A. Có, vì đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.
- B. Không, vì chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.
- C. Có, nhưng chỉ chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn.
- D. Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi.

Đáp án: D

Câu 59: Một công ty gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Công ty này sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý nào?

- A. Trách nhiệm hành chính.
- B. Trách nhiệm dân sự.
- C. Trách nhiệm hình sự.
- D. Tất cả các loại trách nhiệm trên đều có thể được áp dụng tùy theo mức độ và hậu quả của hành vi.

Đáp án: D

Câu 60: Một người bị tai nạn giao thông do lỗi của người khác gây ra. Người bị tai nạn có quyền yêu cầu người gây tai nạn bồi thường thiệt hại không?

- A. Có, theo quy định của pháp luật dân sự.
- B. Không, vì đây là sự cố ngoài ý muốn.
- C. Chỉ khi có sự đồng ý của người gây tai nạn.
- D. Chỉ khi có sự can thiệp của cơ quan nhà nước.

Đáp án: A